

KINH TẾ VĨ MÔ II

CHƯƠNG V: CÁC LÝ THUYẾT VỀ TIÊU DÙNG

CHƯƠNG V: CÁC LÝ THUYẾT VỀ TIÊU DÙNG

I. John Maynard Keynes và hàm tiêu dùng

1. Những phỏng đoán của Keynes về hàm TD

Hàm TD lần đầu tiên được Keynes giới thiệu trong cuốn “*Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ*”. Hàm TD có dạng:

1. Những phỏng đoán của Keynes về hàm tiêu dùng

Trong đó:

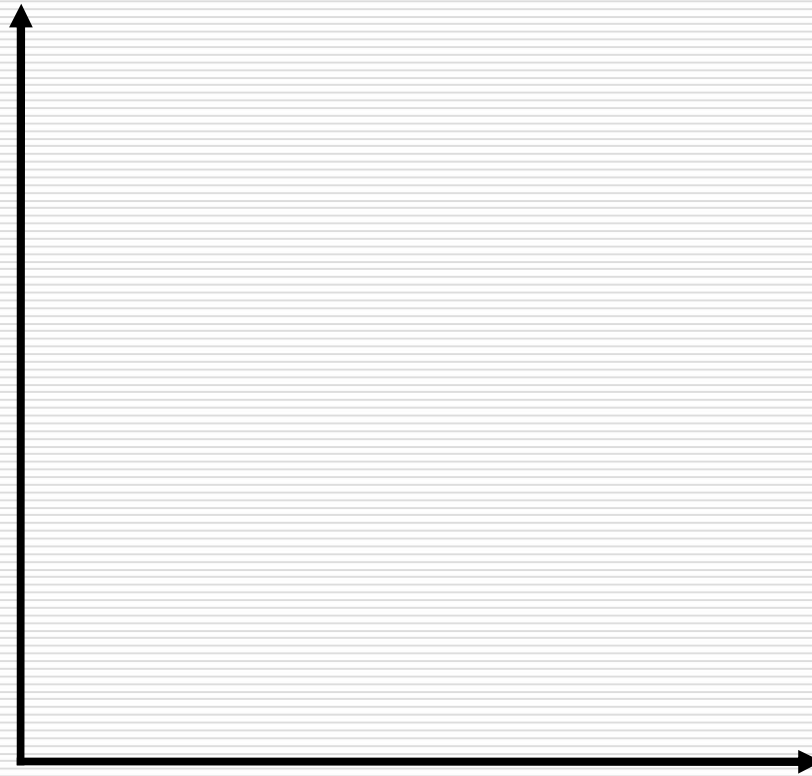
Y_d :

$\bar{C} > 0$:

$$0 < MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d} < 1:$$

MPC cho biết khi *TN* thay đổi 1 đơn vị, người ta có xu hướng thay đổi *TD* bao nhiêu đơn vị.

Đồ thị hàm tiêu dùng của Keynes



1. Những phỏng đoán của Keynes về hàm tiêu dùng

Hàm TD của Keynes tuy *đơn giản* nhưng trong một chừng mực nào đó nó phản ánh khá đúng hành vi TD của các cá nhân:

- Ngay cả khi không có thu nhập
- Khi TN tăng
- Người ta có xu hướng chi tiêu một phần và

1. Những phỏng đoán của Keynes về hàm tiêu dùng

MPC < 1 và xu hướng TD trung bình (Average Propensity to Consume: APC) là một hàm giảm theo thu nhập,

2. Những bằng chứng thực nghiệm ban đầu

Những nghiên cứu đầu tiên dựa trên *số liệu về các HGD* và *chuỗi thời gian ngắn* dường như ủng hộ phỏng đoán của Keynes về hàm TD.

Có 2 kết luận rút ra từ *số liệu về các HGD*:

- Các HGD với mức TN cao hơn
- Các HGD có TN cao hơn sẽ có tỷ lệ tiết kiệm

2. Những bằng chứng thực nghiệm ban đầu

Có 3 kết luận rút ra từ *chuỗi thời gian ngắn*:

- Trong những năm mà TN thấp thì cả TD và tiết kiệm
- Trong những năm mà TN thấp, tỷ lệ
- Sự liên hệ giữa TD và TN mạnh đến mức không có biến số nào khác ngoài TN có vai trò quan trọng trong việc giải thích TD.

3. Sự đình trệ kéo dài, Simon Kuznets và vấn đề nan giải về TD

Hàm TD của Keynes cho thấy tiết kiệm tăng khi TN tăng. Nếu vậy, cuối cùng đầu tư sẽ không thể hấp thụ hết số tiền tiết kiệm dẫn đến thiếu hụt tổng cầu (AD) và tình trạng trì trệ, khủng hoảng kéo dài.

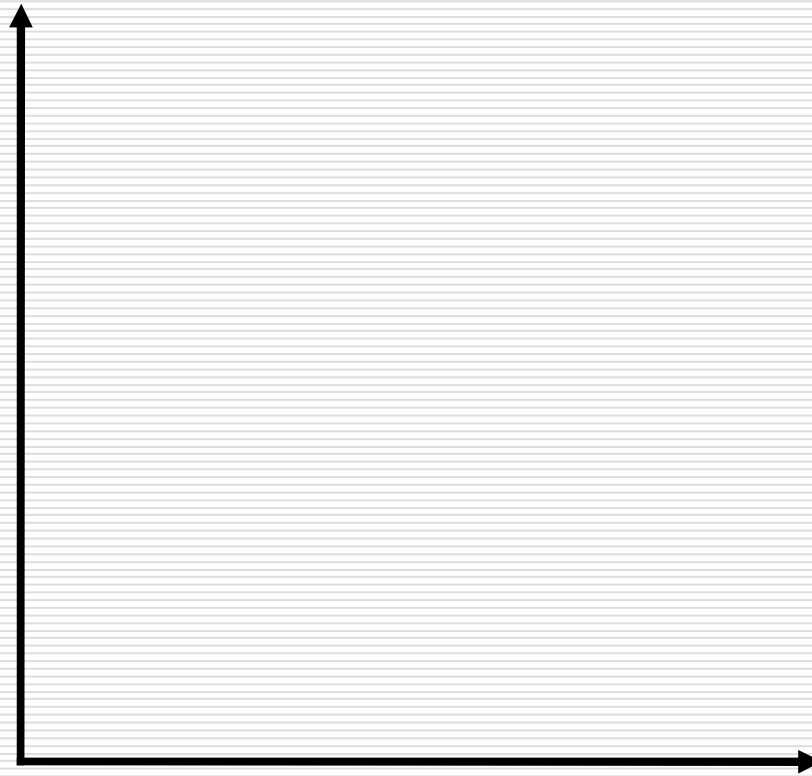
Tuy nhiên, Simon Kuznets đã phát hiện ra rằng sự gia tăng TN sau chiến tranh Thế giới II không làm tăng xu hướng tiết kiệm trung bình, tức là *xu hướng TD trung bình*

3. Sự đình trệ kéo dài, Simon Kuznets và vấn đề nan giải về TD

Như vậy, có sự khác biệt giữa hành vi TD ngắn hạn và dài hạn.

- Tại một thời điểm nhất định, hàm TD của Keynes tỏ ra phù hợp.
- Trong thời gian dài, khi TN tăng lên, hàm TD của Keynes tỏ ra không phù hợp

Hàm TD dài hạn và hàm TD ngắn hạn



Kết luận về hàm TD của Keynes

Hàm TD của Keynes được coi là *quá đơn giản*.

Sẽ là không thực tế nếu cho rằng dân cư *chỉ dựa vào TN hiện tại* để quyết định TD và tiết kiệm.

Lý thuyết TD cần quan tâm đến *sự lựa chọn giữa TD hiện tại và TD tương lai*.

II. Irving Fisher và sự lựa chọn giữa các thời kỳ (Intertemporal Choice)

Lý thuyết TD 2 thời kỳ của Fisher coi

- TD hiện tại và tiết kiệm (TD tương lai) là
- TN là ngân sách của cả đời
thì con người sẽ phải lựa chọn

Yếu tố làm cơ sở cho sự lựa chọn là

1. Ràng buộc ngân sách giữa các thời kỳ

** Giả định:*

- NTD có thể đi vay để chi tiêu trước hoặc tiết kiệm để chi tiêu sau. Do vậy, TD có thể
- Lãi suất tiết kiệm cũng chính là LS đi vay

1. Ràng buộc ngân sách giữa các thời kỳ

Ví dụ:

Xét một cá nhân có TN và TD cả trong hiện tại và tương lai.

Giả sử trong thời kỳ 1, anh ta có thu nhập Y_1 phân bổ thành tiêu dùng C_1 và tiết kiệm S_1 .

Khi đó:

1. Ràng buộc ngân sách giữa các thời kỳ

Trong thời kỳ 2, anh ta nhận được tiền lãi từ tiết kiệm nên anh ta có:

Trong đó r là lãi suất thực tế.

Thu nhập tạo ra trong thời kỳ 2 là Y_2 . Tiêu dùng trong thời kỳ 2 là:

1. Ràng buộc ngân sách giữa các thời kỳ

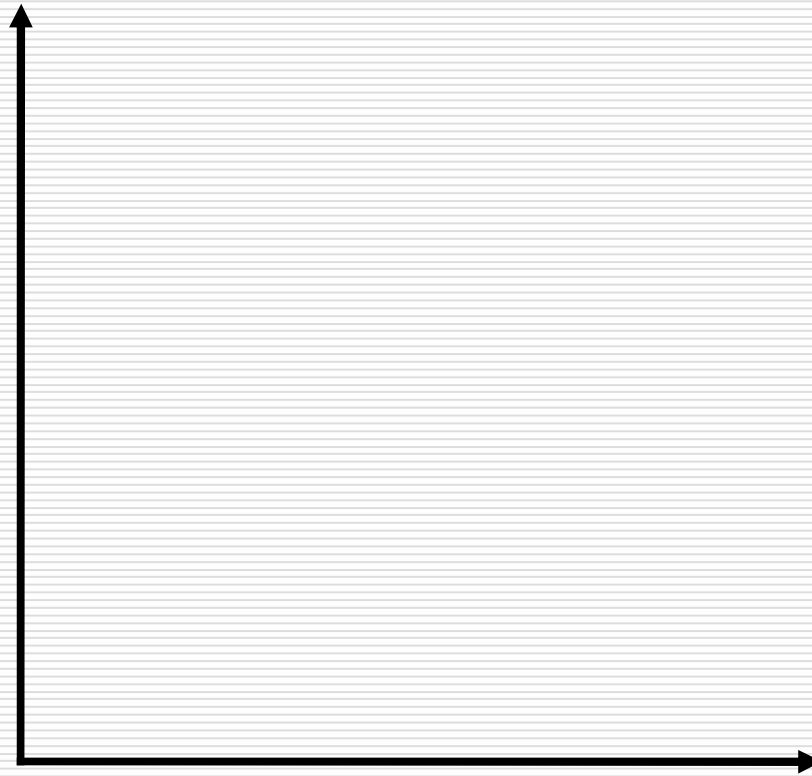
Thay $S_1 = Y_1 - C_1$ vào C_2 ta sẽ có:

1. Ràng buộc ngân sách giữa các thời kỳ

Phương trình trên cho thấy

Đó là sự ràng buộc ngân sách giữa các thời kỳ của người tiêu dùng.

1. Ràng buộc ngân sách giữa các thời kỳ

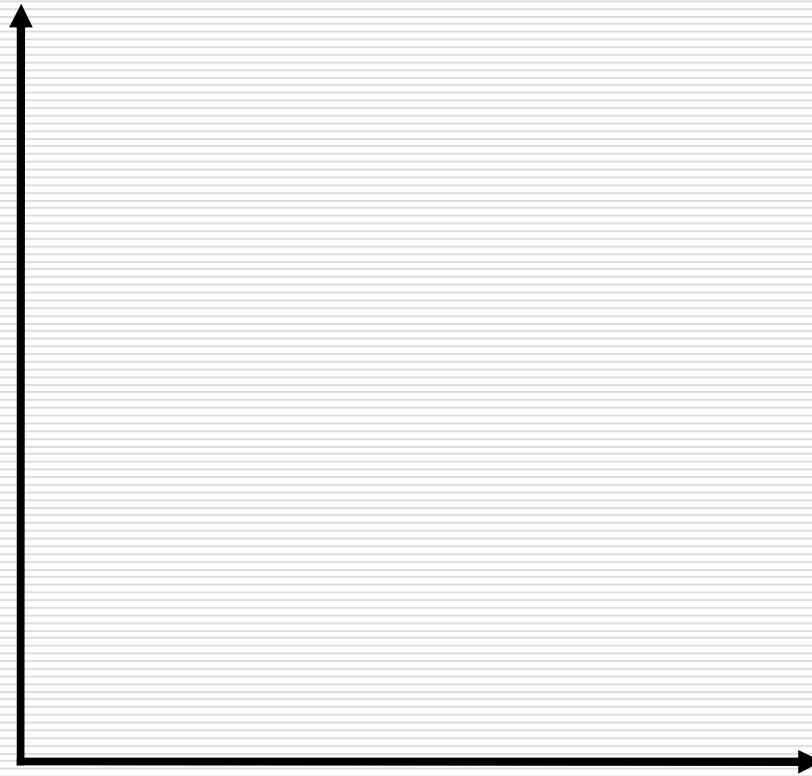


2. Sở thích của người tiêu dùng và sự lựa chọn tối ưu

NTD lựa chọn giữa TD hiện tại hoặc TD tương lai phụ thuộc vào chủ quan của NTD

Đường bàng quan IC (Indifference Curve) là tập hợp *các kết hợp* giữa C_1 và C_2 mang lại cho NTD

Đường bàng quan



2. Sở thích của người tiêu dùng và sự lựa chọn tối ưu

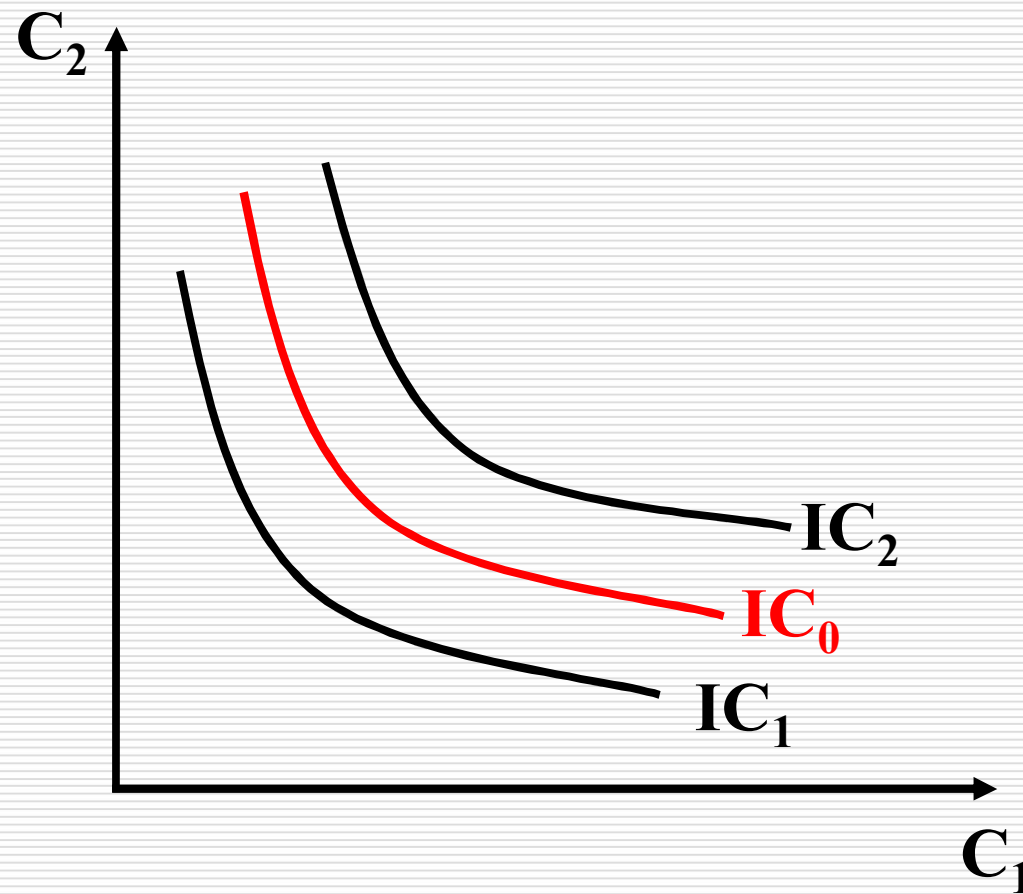
Độ dốc của đường bàng quan cho biết tỷ lệ tại đó NTD sẵn sàng *đổi bao nhiêu đơn vị tiêu dùng tương lai để lấy một đơn vị tiêu dùng hiện tại*, được gọi là tỷ lệ thay thế cận biên (Marginal Rate of Substitution: MRS)

2. Sở thích của người tiêu dùng và sự lựa chọn tối ưu

Trong ví mô đã chỉ rõ NTD lựa chọn mức TD cho đến khi họ thấy việc từ bỏ 1 đơn vị TD hiện tại để có thêm TD tương lai là như nhau.

Tại điểm TD tối ưu thì

2. Sở thích của người tiêu dùng và sự lựa chọn tối ưu



2. Sở thích của người tiêu dùng và sự lựa chọn tối ưu

Từ phương trình đường ngân sách ở trên:

$$C_2 = Y_2 + (Y_1 - C_1)(1 + r)$$

$$C_2 = Y_2 + Y_1(1 + r) - (1 + r)C_1$$

Ta có độ dốc của đường NS là:

Xét về giá trị tuyệt đối, tại điểm TD tối ưu thì:

3. Ảnh hưởng của sự thay đổi thu nhập đến tiêu dùng

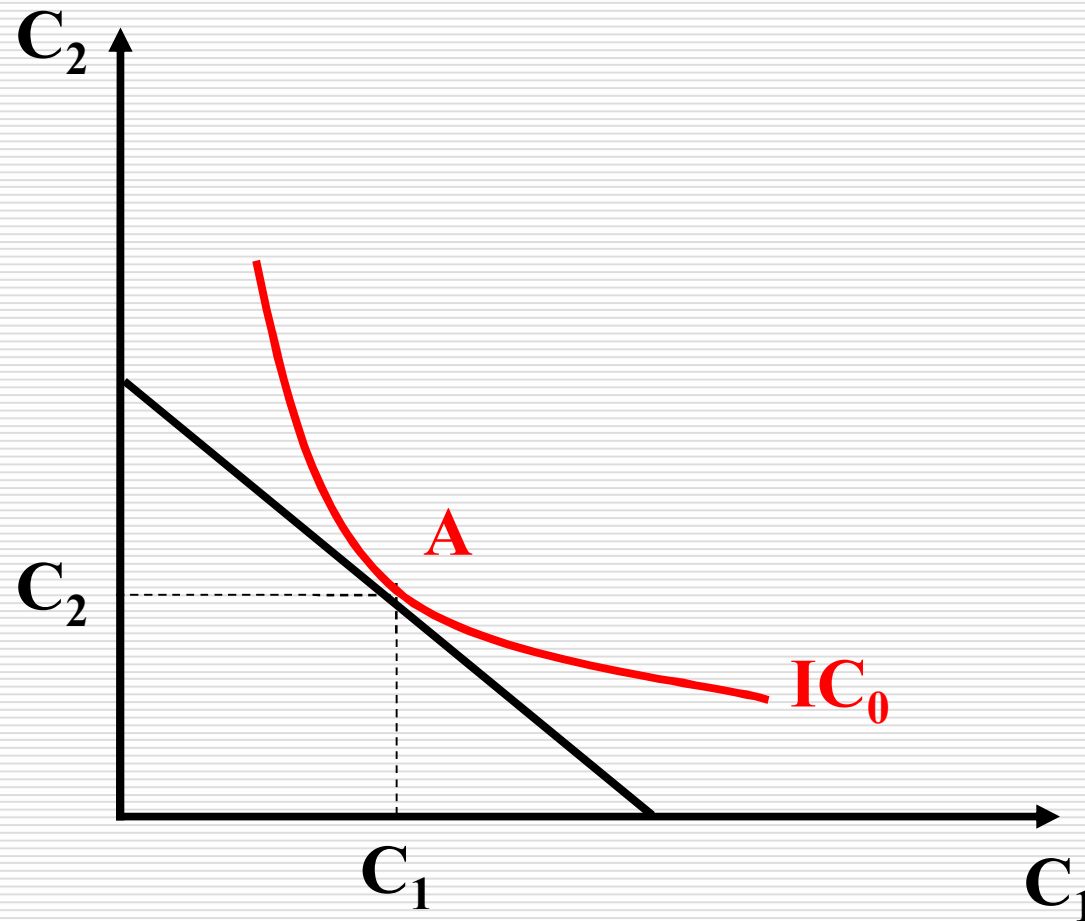
Giới hạn ngân sách giữa các thời kỳ là

$$C_1 + \frac{C_2}{1+r} = Y_1 + \frac{Y_2}{1+r}$$

cho thấy *sự gia tăng của TN hiện tại hoặc TN tương lai*

Trên đồ thị, sự gia tăng của TN được biểu diễn bằng sự

3. Ảnh hưởng của sự thay đổi thu nhập đến tiêu dùng



3. Ảnh hưởng của sự thay đổi thu nhập đến tiêu dùng

Như vậy, *NTD* sẽ được *TD*

Trong KT vĩ mô, người ta giả định rằng cả ở hiện tại và tương lai các HGD đều mua *HH* thông thường.

3. Ảnh hưởng của sự thay đổi thu nhập đến tiêu dùng

Sự lựa chọn giữa các thời kỳ đã chỉ ra sự yếu kém của hàm TD đơn giản do Keynes đề xuất – *TD hiện tại*

TD trong mỗi thời kỳ phụ thuộc vào

4. Ảnh hưởng của sự thay đổi lãi suất thực tế đến tiêu dùng

a. Trường hợp người tiêu dùng có tiết kiệm

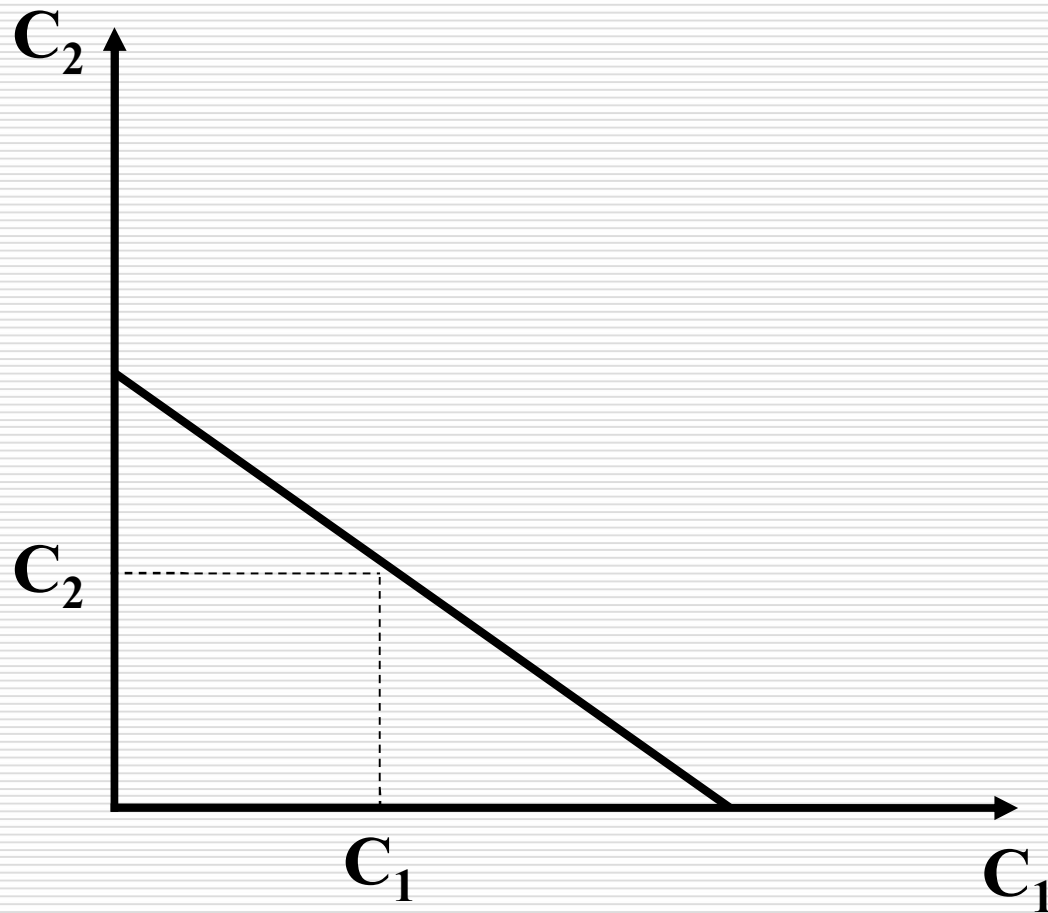
Giả sử lãi suất thực tế (r) tăng:

$$C_2 = Y_2 + Y_1(1 + r) - (1 + r)C_1$$

Khi đó

Nghĩa là hy sinh một đơn vị TD hiện tại sẽ được TD

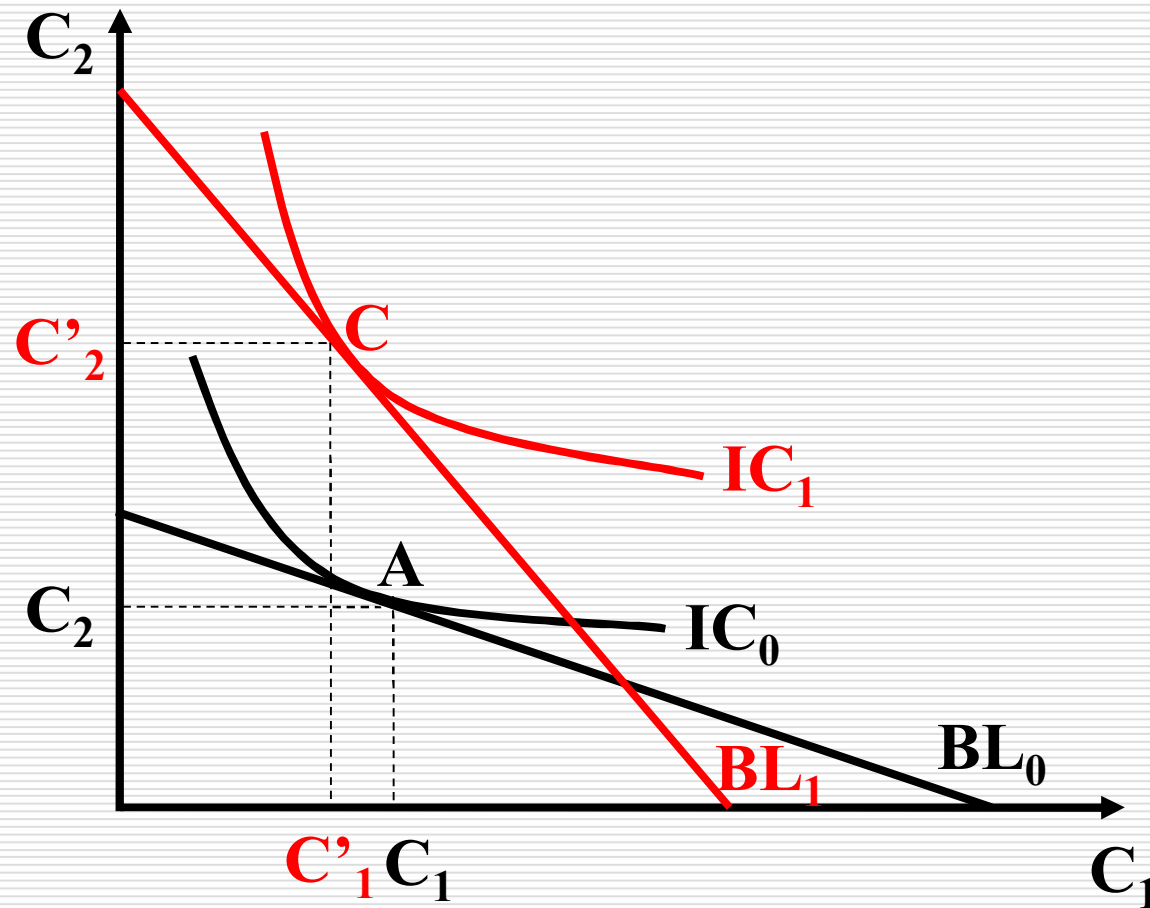
a. Trường hợp NTD có tiết kiệm



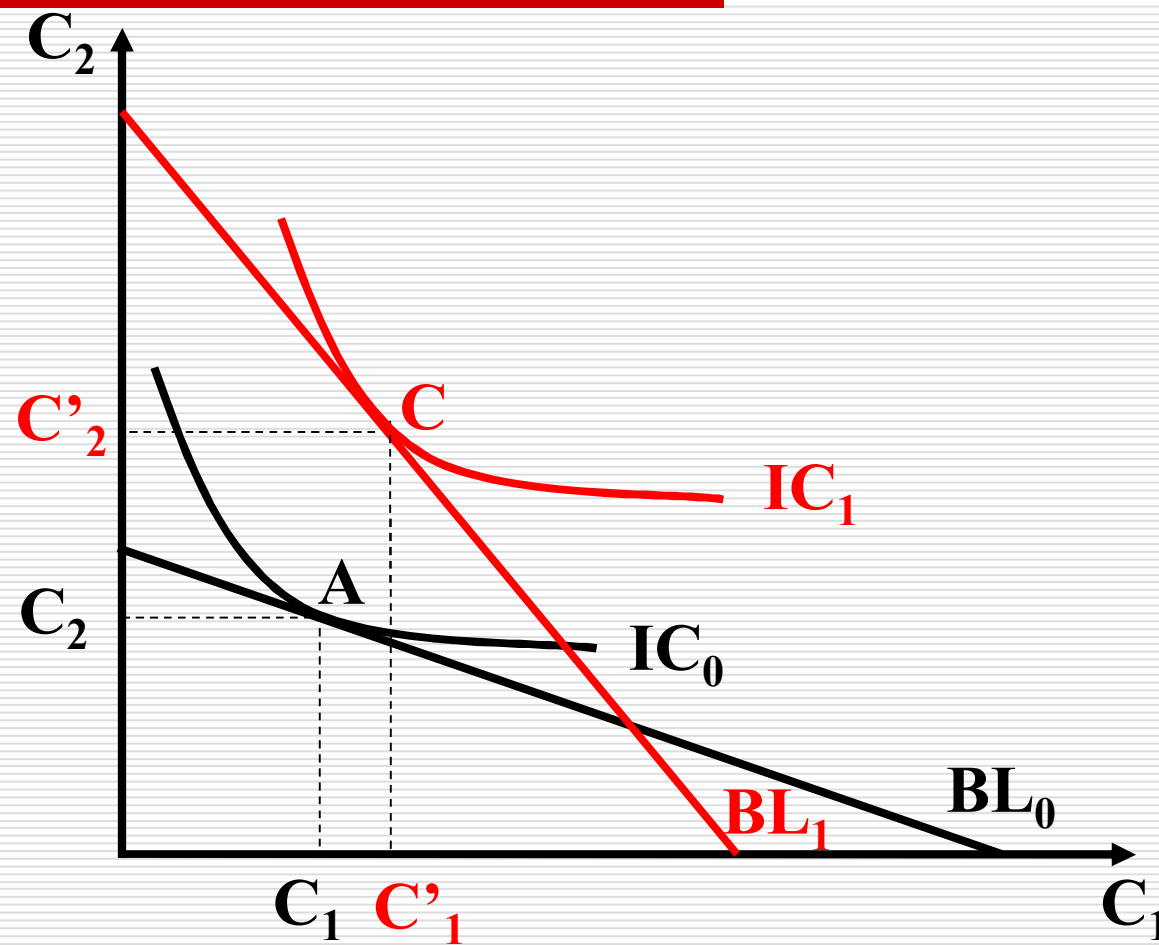
a. Trường hợp NTD có tiết kiệm

$r \uparrow \rightarrow$

Trường hợp $SE > IE$



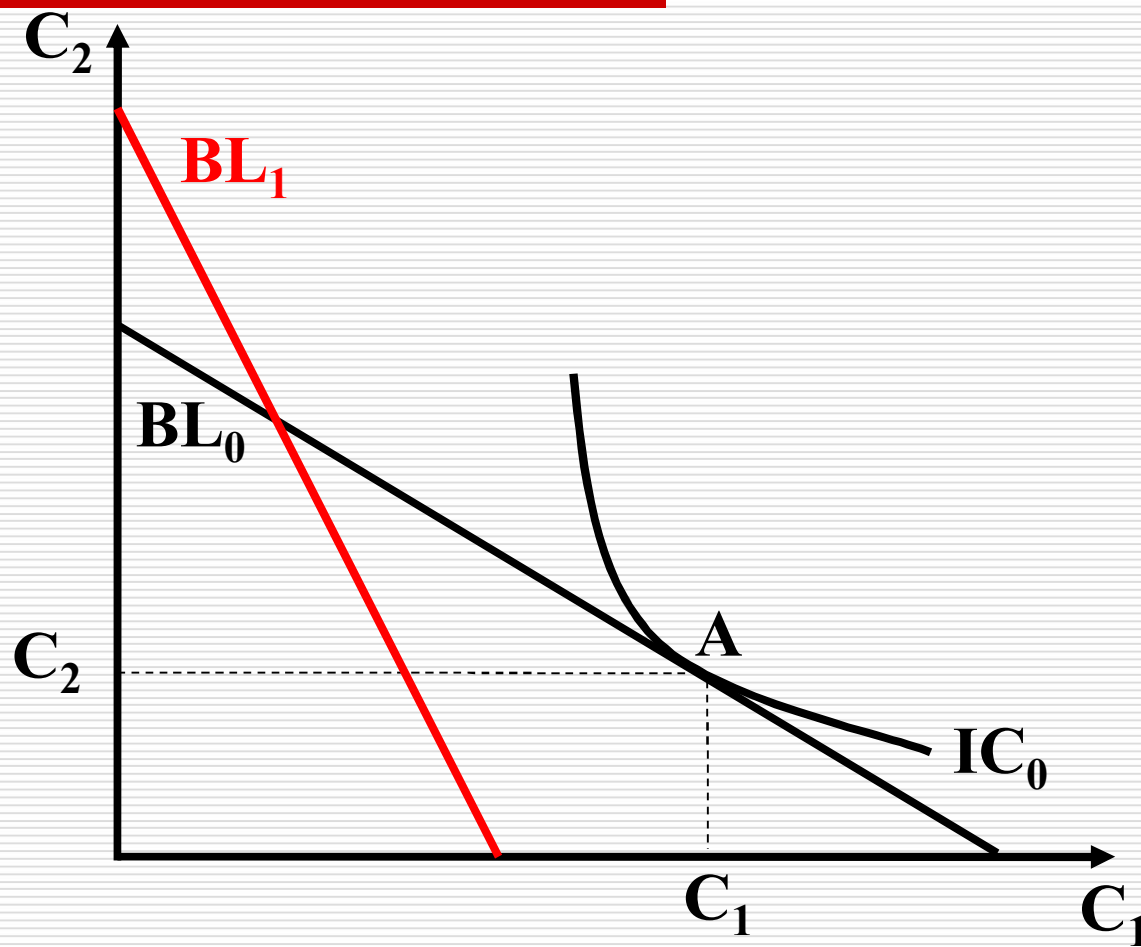
Trường hợp $SE < IE$



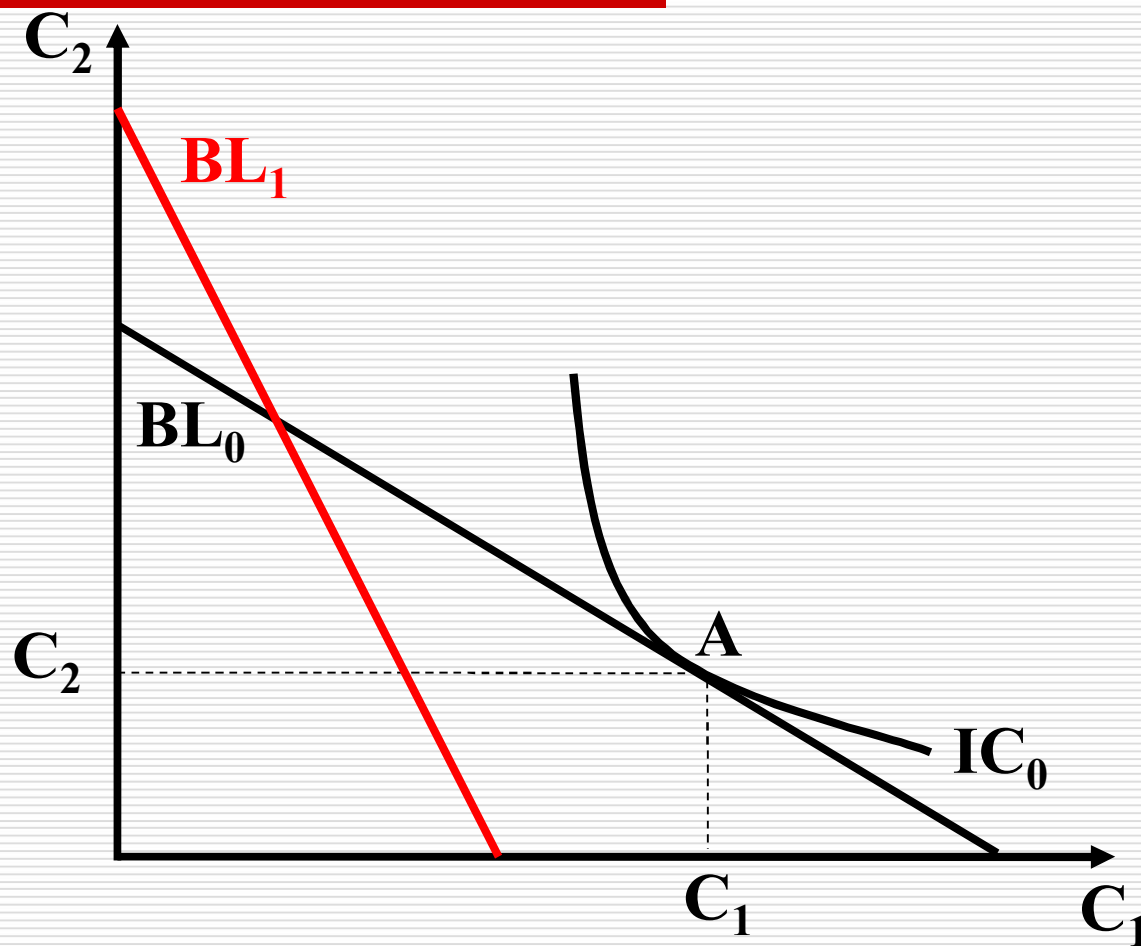
b. Trường hợp người tiêu dùng đi vay

$r \uparrow \rightarrow$

Trường hợp $SE > IE$



Trường hợp $SE < IE$



5. Sự hạn chế vay nợ (hạn chế thanh khoản – Borrowing Constraint)

Theo Fisher, *tính thời điểm của TN không quan trọng* vì NTD có thể đi vay hoặc cho vay giữa các thời kỳ.

Tuy nhiên, không phải mọi người đều có thể vay nợ tự do dựa trên cơ sở TN tương lai như mô hình Fisher giả thiết.

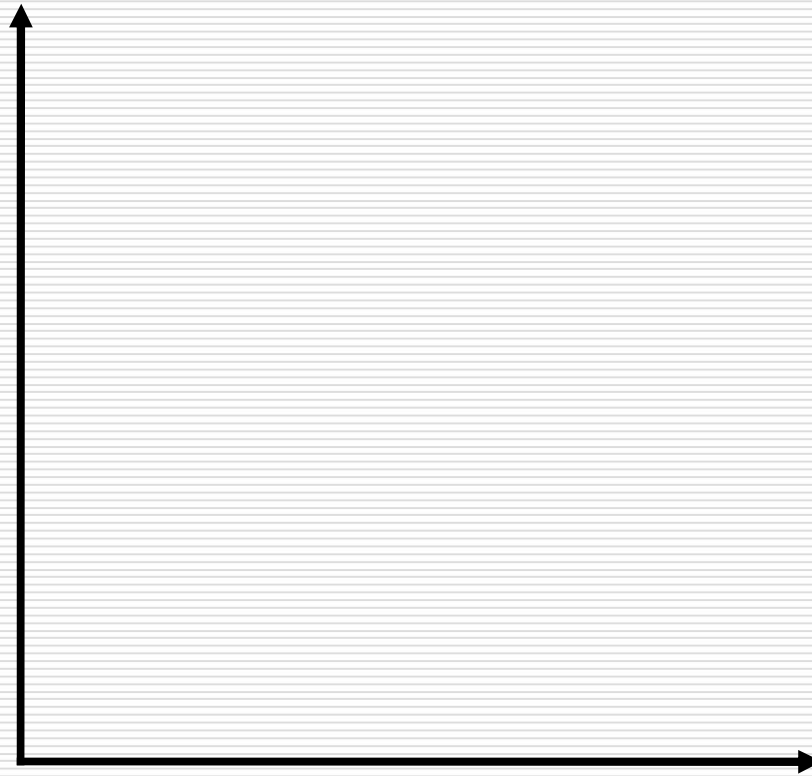
5. Sự hạn chế vay nợ (hạn chế thanh khoản – Borrowing Constraint)

Khi đó TD trong thời kỳ 1

Đối với những NTD *bị hạn chế vay tiền*, TD không phụ thuộc vào giá trị hiện tại của tổng TN

Như vậy, đối với những NTD trên, hàm TD đơn giản của Keynes vẫn có thể đúng.

5. Sự hạn chế vay nợ (hạn chế thanh khoản – Borrowing Constraint)



III. Franco Modigliani và giả thuyết vòng đời (The Life Cycle Hypothesis)

Franco Modigliani, Albert Aldo và Richard Brumberg đã dựa trên những tư tưởng trong mô hình của Fisher để đi đến kết luận rằng *hàm TD dài hạn dốc hơn hàm TD trong ngắn hạn*.

Đặc biệt họ nhấn mạnh đến *trong việc điều hòa tiêu dùng của các cá nhân trong cả đời người*.

1. Giả thuyết

Giả sử xét 1 cá nhân có với những giả thuyết:

- Hiện có của cải là W ,
- Dự kiến sống thêm T năm nữa,
- Sẽ làm việc thêm R năm,
- $(T - R)$ năm còn lại nghỉ hưu và không có TN.

Khi đó sự hạn chế ngân sách giữa các thời kỳ là:

1. Giả thuyết

* Giả định:

- ✓ Lãi suất thực tế $r = 0$.
- ✓ Việc dàn đều tiêu dùng là mục tiêu tối ưu.
- ✓ TN mỗi năm đều bằng Y và TD đều bằng C .

1. Giả thuyết

Với những giả định như trên ta có:

Như vậy, *TD phụ thuộc vào TN và của cải.*

1. Giả thuyết

Nếu đặt: Xu hướng TD cận biên từ của cải

và Xu hướng TD cận biên từ TN

thì:

Ở đây có thể thấy dường như α có giá trị nhỏ còn β có giá trị lớn hơn nhiều.

2. Ý nghĩa

Hàm tiêu dùng của Franco Modigliani:

giống dạng hàm tiêu dùng đơn giản của Keynes:

nhưng khác nhau ở điểm chặn (αW) không phải là giá trị cố định mà là *hàm của của cải*. Và Y không nhất thiết là TN hiện tại mà là *trung bình của TN hiện tại và tương lai*.

2. Ý nghĩa

Giả thuyết vòng đời có thể khắc phục được tính không thống nhất giữa lý thuyết và thực tế về TD trong hàm TD của Keynes (*APC có xu hướng giảm theo thời gian*).

APC của hàm TD theo giả thuyết vòng đời là:

2. Ý nghĩa

Của cải của các HGD không khác nhau nhiều như TN, do vậy các *HGD có TN cao sẽ có APC thấp* hơn những HGD có TN thấp.

Trong ngắn hạn, của cải ít thay đổi so với TN nên *APC có xu hướng giảm khi TN tăng*. Kết luận này giống với hàm TD của Keynes.

Theo thời gian, tổng của cải và TN cùng tăng lên nên *APC ổn định*.

IV. Milton Friedman và giả thuyết TN thường xuyên (The Permanent Income Hypothesis)

Giả thuyết thu nhập thường xuyên được M.Friedman đưa ra năm 1957.

Giả thuyết thu nhập thường xuyên *nhấn mạnh đến*

1. Giả thuyết

Friedman cho rằng cần phải tách tổng TN thành 2 thành phần:

- ***TN thường xuyên*** (Permanent Income: Y_P)
- ***TN tạm thời*** (Transitory Income: Y_T): những chênh lệch tạm thời so với TN trung bình hay ngẫu nhiên.

1. Giả thuyết

Tư tưởng của Friedman là

Nếu vậy, các chính sách KT làm thay đổi TN tạm thời sẽ không ảnh hưởng đến TD nên *không ảnh hưởng đến tổng cầu AD*.

1. Giả thuyết

Friedman coi TD gần như tỷ lệ thuận với Y^P .

Điều này tương tự giả thuyết vòng đời nếu coi:

- ✓ Sự thay đổi của Y^T là sự thay đổi của W và sự thay đổi của Y^P là sự thay đổi của Y .
- ✓ Xu hướng TD cận biên từ TN tạm thời (hoặc từ của cải) thì nhỏ còn xu hướng TD cận biên từ TN thường xuyên (hoặc từ TN) thì lớn.

2. Ý nghĩa

Ta có xu hướng tiêu dùng trung bình:

Trong ngắn hạn, sự thay đổi của TN là do sự thay đổi của TN tạm thời.

2. Ý nghĩa

Những hộ gia đình có TN cao thường có TN tạm thời cao nên sẽ có APC thấp hơn ở những hộ gia đình có thu nhập thấp.

Trong dài hạn, thu nhập thay đổi chủ yếu do sự thay đổi của thu nhập thường xuyên nên APC sẽ ổn định.